

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 29 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hà.
2. Bà Hoàng Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Quan Thị Tuyên - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/HSST-QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 đối với:

Bị cáo Kim Thị H; sinh năm 1986 tại huyện L, tỉnh V; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 026186xxxxxx, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 27/10/2022; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim A (đã chết) và bà Tạ Thị B; có chồng là Nguyễn Văn Đ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/01/2024, ngày 01/02/2024 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị C; sinh năm 1988; nơi thường trú: Thôn T, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi ở hiện nay: Tổ 1, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/4/2023, Nguyễn Thị C do có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên đến nhà Kim Thị H hỏi vay số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), H đồng ý cho vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và sử dụng số tài khoản 82012050..... chuyển khoản số tiền 60.000.000 đồng đến số tài khoản 820120504.... của Nguyễn Thị C. Sau khi vay được tiền, từ ngày 18/4/2023 đến ngày 14/11/2023, hàng tháng Nguyễn Thị C đều sử dụng số tài khoản 820120504.... để chuyển khoản đến số tài khoản 82012050..... của Kim Thị H để trả lãi (không trả gốc) với tổng số tiền là 37.800.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 12/5/2023, Nguyễn Thị C tiếp tục hỏi Kim Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), H đồng ý cho vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và sử dụng số tài khoản 82012050..... chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản 820120504.... của Nguyễn Thị C. Sau khi vay được tiền, từ ngày 12/5/2023 đến ngày 08/11/2023, Nguyễn Thị C sử dụng số tài khoản 820120504.... chuyển khoản trả lãi (không trả gốc) với tổng số tiền là 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) vào số tài khoản 82012050..... của Kim Thị H.

Ngày 24/9/2023, Kim Thị H cho Nguyễn Thị C vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), với lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; Nguyễn Thị C đã trả cho Kim Thị H số tiền lãi trong 37 ngày là 3.700.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang có công văn số 13/CV-CSĐT ngày 26/01/2024 gửi Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Giang về việc phối hợp xác định lãi suất cho vay và số tiền thu lợi bất chính, đối với số tiền Kim Thị H cho Nguyễn Thị C vay.

Theo Công văn số 147/HAG -TH ngày 31/01/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang về việc phối hợp xác định lãi suất cho vay và số tiền thu lợi bất chính thì:

Đối với 60.000.000 đồng mà Kim Thị H cho Nguyễn Thị C vay ngày 18/4/2023, lãi suất cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Trong 37.800.000 đồng tiền lãi mà H đã thu của người vay thì số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (được hưởng theo quy định) là 6.904.110 đồng, còn 30.895.890 đồng là tiền thu lợi bất chính.

Đối với 30.000.000 đồng mà Kim Thị H cho Nguyễn Thị C vay ngày 12/5/2023, lãi suất cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Trong 16.200.000 đồng tiền lãi mà H đã thu của người vay thì số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (được hưởng theo quy định) là 2.958.904 đồng, còn 13.241.096 đồng là tiền thu lợi bất chính.

Đối với 50.000.000 đồng mà Kim Thị H cho Nguyễn Thị C vay ngày 24/9/2023, lãi suất cho vay là 90%/năm, gấp 4,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ

lưu Dân sự (20%/năm). Trong 3.700.000 đồng tiền lãi mà H đã thu của người vay thì số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (được hưởng theo quy định) là 821.918 đồng, còn 2.878.082 đồng là tiền thu lợi bất chính.

Về hành vi của Kim Thị H cho Nguyễn Thị C vay 50.000.000 đồng ngày 24/9/2023, lãi suất cho vay là 90%/năm, gấp 4,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) nhưng chưa gấp 5 lần mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, có số tiền thu lợi bất chính là 2.878.082 đồng nên chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với hành vi này của bị cáo và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này của Kim Thị H.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-QB ngày 25/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã truy tố Kim Thị H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, đối với 02 hành vi cho Nguyễn Thị C vay 60.000.000 đồng ngày 18/4/2023 và 30.000.000 đồng ngày 12/5/2023.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Kim Thị H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201, Điều 35, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Kim Thị H từ 50 đến 70 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính là 44.136.986 đồng; đối với khoản tiền 90.000.000 đồng mà bị cáo dùng để cho chị Nguyễn Thị C vay thì truy thu số tiền 90.000.000 đồng này từ chị Nguyễn Thị C để sung quỹ nhà nước; truy thu của bị cáo sung quỹ nhà nước đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 9.863.014 đồng;

- Về vật chứng: Áp dụng các điều 47 của Bộ luật Hình sự và 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ nhà nước điện thoại của bị cáo do là phương tiện phạm tội và trả lại cho chị Nguyễn Thị C điện thoại của chị C.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.206.849 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị C nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã có hành vi như cáo trạng truy tố. Lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Kim Thị H đã cho Nguyễn Thị C vay 60.000.000 đồng ngày 18/4/2023 và 30.000.000 đồng ngày 12/5/2023, lãi suất cho vay đều là 109,5%/năm, gấp 5,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm); số tiền thu lợi bất chính từ 02 lần cho vay này là 44.136.986 đồng. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp vì mục đích vụ lợi, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt; không có tiền án tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy nên áp dụng hình phạt là phạt tiền và không áp dụng hình phạt bổ sung (là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm) đối với bị cáo cũng đủ nghiêm trị đối với bị cáo và có tác dụng cho việc phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tội phạm.

[4] Biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về

tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là 44.136.986 đồng; về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo quy định tại các điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; đối với khoản tiền 90.000.000 đồng mà bị cáo dùng để cho chị Nguyễn Thị C vay thì bị tịch thu sung quỹ nhà nước và do số tiền 90.000.000 đồng này chị Nguyễn Thị C vẫn chưa trả cho bị cáo Kim Thị H nên cần truy thu số tiền 90.000.000 đồng này từ chị Nguyễn Thị C; truy thu của bị cáo sung quỹ nhà nước đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 6.904.110 đồng + 2.958.904 đồng = 9.863.014 đồng;

[5] Về vật chứng: Căn cứ các điều 47 của Bộ luật Hình sự và 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ nhà nước điện thoại của bị cáo do là phương tiện phạm tội và trả lại cho chị Nguyễn Thị C điện thoại của chị C.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Kim Thị H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201, Điều 35, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kim Thị H 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự;

- Buộc bị cáo Kim Thị H phải trả lại cho chị Nguyễn Thị C tiền thu lợi bất chính là 44.136.986 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Truy thu từ chị Nguyễn Thị C để tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) mà chị Nguyễn Thị C đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo Kim Thị H.

- Truy thu của bị cáo Kim Thị H số tiền 9.863.014 đồng (chín triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng) để sung quỹ nhà nước.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu của bị cáo Kim Thị H để sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, màn hình bị nứt, vỡ, IMEI (khe cắm thẻ sim 1) 862625051391903, IMEI (khe cắm thẻ sim 2) 862625051391911; điện thoại đã qua sử dụng

- Tịch thu tiêu hủy 02 thẻ sim của nhà mạng Viettel được lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Redmi nói trên của bị cáo Kim Thị H, cụ thể: Trên sim 1 có dãy số 898404000005108088; trên sim 2 có dãy số 8984048851001451011.

- Trả cho chị Nguyễn Thị C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A31, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, màn hình bị nứt, vỡ, số seri RF8N632HMRD, IMEI (khe 1) 354565115350120, IMEI (khe 2) 354565115350128; điện thoại đã qua sử dụng và 02 thẻ sim của nhà mạng Viettel được lắp trong điện thoại di động này, cụ thể: Trên sim 1 có dãy số 8984048000319519821; trên sim 2 có dãy số 8984048000037517642.

Chi tiết các vật chứng thể hiện trong Biên bản Giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang ngày 26/6/2024.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 6, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Kim Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.207.000 đồng (hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng